

xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế (không áp dụng xét tuyển thẳng đối với ngành Giáo dục Thể chất); thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; cụ thể như sau:

+ Đối với các ngành đào tạo giáo viên: các ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Chính trị, Sư phạm Khoa học tự nhiên môn đạt giải phải nằm trong tổ hợp xét tuyển của ngành tương ứng; các ngành đào tạo giáo viên còn lại, môn đạt giải phải trùng với tên môn chuyên ngành đào tạo (ví dụ: thí sinh đoạt giải môn Toán sẽ được xét tuyển thẳng vào ngành Sư phạm Toán học).

+ Đối với các ngành đào tạo khác không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên: môn đạt giải phải nằm trong tổ hợp xét tuyển của ngành đăng ký.

b) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận được tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Thể chất; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

7.2. Ưu tiên xét tuyển

Nhà trường thực hiện ưu tiên xét tuyển theo quy định tại mục 5.3 phần II.1.

7.3. Chính sách ưu tiên

- Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh Nhà trường thực hiện theo Điều 7 của Thông tư 06.

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

- Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách ưu tiên chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

- Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Thông tư 06 tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn học/môn thi (không nhân hệ số).

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) theo quy định tại Điều 7 của Thông tư 06, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

- Các mức điểm ưu tiên và cách tính điểm ưu tiên áp dụng cho tất cả các đối tượng và phương thức xét tuyển.

- Căn cứ tình hình thực tế Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định việc áp dụng khoản 4 Điều 8 trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường.

Lưu ý: Thí sinh nộp các minh chứng đối tượng chính sách ưu tiên theo quy định ở các đợt xét tuyển bổ sung theo Thông báo của Trường.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

8.1. Đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Tây Bắc

Mức thu: Dự kiến 15.000đ/nguyện vọng/thí sinh.

8.2. Lệ phí thi năng khiếu: Dự kiến 350.000đ/thí sinh

9. Xử lý khiếu nại: Nhà trường sẽ xem xét giải quyết mọi trường hợp khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh theo các quy định hiện hành.

10. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học năm 2026

10.1. Đại học chính quy năm 2026

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Vũ Việt Hùng	Trưởng Phòng Đào tạo	0969.121.383	viethung@utb.edu.vn
2	Phạm Quốc Thắng	Giám đốc Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ	0383.661.833	thangpq@utb.edu.vn

10.2. Đại học vừa làm vừa học năm 2026

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Trưởng Phòng Đào tạo	0976.163.969	dungnt@utb.edu.vn
2	Nguyễn Anh Tuấn	Chuyên viên Phòng Đào tạo	0974.699.345	tuanna@utb.edu.vn

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

* **Thang điểm xét: Thang điểm 30**

11.1. Năm 2024

a) Xét tuyển căn cứ vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp với thi tuyển môn Năng khiếu (Mã phương thức xét tuyển: 405)

Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển (nhập học)	Điểm trúng tuyển
Giáo dục Mầm non	7140201	235	232	23,3
Giáo dục Thể chất	7140206	26	26	25,57
Tổng		261	258	

b) Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập bậc THPT kết hợp với thi tuyển môn Năng khiếu (Mã phương thức xét tuyển: 406)

Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển (nhập học)	Điểm trúng tuyển
Giáo dục Mầm non	7140201	10	6	21,0
Giáo dục Thể chất	7140206	4	4	26,6
Tổng		261	258	

c) Xét tuyển căn cứ vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT (Mã phương thức xét tuyển: 100)

Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển (nhập học)	Điểm trúng tuyển
Giáo dục Tiểu học	7140202	170	168	27,5

u

Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển (nhập học)	Điểm trúng tuyển
Giáo dục Chính trị	7140205	14	13	27,78
Sư phạm Toán học	7140209	29	29	25,34
Sư phạm Tin học	7140210	40	39	23,16
Sư phạm Vật lý	7140211	17	17	23,96
Sư phạm Hóa học	7140212	16	16	24,52
Sư phạm Sinh học	7140213	14	14	23,95
Sư phạm Ngữ văn	7140217	12	12	28,11
Sư phạm Lịch sử	7140218	16	15	28,0
Sư phạm Địa lý	7140219	14	11	27,96
Sư phạm Tiếng Anh	7140231	50	49	25,57
Quản trị kinh doanh	7340101	20	22	15,0
Kế toán	7340301	40	39	15,0
Tài chính - Ngân hàng	7340201	15	15	15,0
Chăn nuôi	7620105	10	0	15,0
Nông học	7620109	14	0	15,0
Bảo vệ thực vật	7620112	10	0	15,0
Lâm sinh	7620205	10	0	15,0
Quản lý tài nguyên rừng	7620211	20	0	15,0
Công nghệ thông tin	7480201	76	76	18,5
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	28	35	22,0
Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	6	0	15,0
Dinh dưỡng	7720401	10	2	15,0
Tổng		651	572	

d) Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập cấp THPT (Mã phương thức xét tuyển: 200)

Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển (nhập học)	Điểm trúng tuyển
Giáo dục Tiểu học	7140202	57	57	27,41
Giáo dục Chính trị	7140205	6	6	27,29
Sư phạm Toán học	7140209	16	16	27,23
Sư phạm Tin học	7140210	10	8	26,95
Sư phạm Vật lý	7140211	3	3	27,05
Sư phạm Hóa học	7140212	4	3	27,2
Sư phạm Sinh học	7140213	6	6	26,75
Sư phạm Ngữ văn	7140217	6	8	27,95
Sư phạm Lịch sử	7140218	4	4	28,0
Sư phạm Địa lý	7140219	4	4	27,79
Sư phạm Tiếng Anh	7140231	13	13	27,22
Quản trị kinh doanh	7340101	10	10	18,0
Kế toán	7340301	30	21	18,0
Tài chính - Ngân hàng	7340201	15	16	18,0

Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển (nhập học)	Điểm trúng tuyển
Chăn nuôi	7620105	20	18	18,0
Nông học	7620109	16	16	18,0
Bảo vệ thực vật	7620112	20	11	18,0
Lâm sinh	7620205	20	18	18,0
Quản lý tài nguyên rừng	7620211	10	10	18,0
Công nghệ thông tin	7480201	24	23	25,0
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	2	3	24,0
Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	24	24	18,0
Dinh dưỡng	7720401	40	36	19,0
Tổng		360	334	

11.2. Năm 2025

Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển (nhập học)	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển		
				Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT	Kết quả học tập cấp THPT	Kết quả ĐGNL của Trường ĐHSPHN
Giáo dục Mầm non	7140201	255	244	27,37	27,01	20,86
Giáo dục Tiểu học	7140202	259	257	27,74	27,53	21,73
Giáo dục Chính trị	7140205	22	17	27,52	27,22	21,2
Giáo dục Thể chất	7140206	33	32	25,57	27,19	
Sư phạm Toán học	7140209	50	47	25,49	28,28	18,98
Sư phạm Tin học	7140210	55	53	21,86	27,02	16,74
Sư phạm Vật lý	7140211	22	20	24,8	27,93	18,05
Sư phạm Hoá học	7140212	22	22	24,7	27,88	17,9
Sư phạm Sinh học	7140213	22	21	22,6	27,41	16,6
Sư phạm Ngữ văn	7140217	22	22	28,11	28,07	22,49
Sư phạm Lịch sử	7140218	20	16	28,06	27,99	22,36
Sư phạm Địa lý	7140219	22	18	28,09	28,04	22,43
Sư phạm Tiếng Anh	7140231	70	70	23,81	28,29	19,36
Quản trị kinh doanh	7340101	40	36	15,0	19,68	8,6
Tài chính - Ngân hàng	7340201	40	27	15,0	19,68	8,6
Kế toán	7340301	70	68	15,0	19,68	8,6
Công nghệ thông tin	7480201	110	111	17,68	23,19	11,58
Chăn nuôi	7620105	30	15	15,0	21,0	9,98
Nông học	7620109	30	14	15,0	21,0	9,98
Lâm sinh	7620205	30	7	15,0	21,0	9,98
Quản lý tài nguyên rừng	7620211	30	13	15,0	21,0	9,98
Dinh dưỡng	7720401	50	17	15,0	21,0	9,98

Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển (nhập học)	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển		
				Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT	Kết quả học tập cấp THPT	Kết quả ĐGNL của Trường ĐHSPTH
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	50	32	15,0	21,0	9,98
Quản lí tài nguyên và môi trường	7850101	30	18	24,5	24,18	16,1
Tổng		1384	1197			

II.2. THÔNG TIN TUYỂN SINH LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC VLVH: Có thông tin tuyển sinh riêng.

II.3. THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC TỪ XA: Có thông tin tuyển sinh riêng.

Cán bộ tuyển sinh

- Vũ Việt Hùng
- Số điện thoại 0969.121.383
- Email: viethung@utb.edu.vn

Son Lai ngày 01 tháng 6 năm 2026



TS. Nguyễn Văn Định